



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
KHOA THƯƠNG MẠI VÀ KINH TẾ QUỐC TẾ

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT- CƠ SỞ CỦA QUẢN TRỊ KINH DOANH

cuu duong than cong. com

Người biên soạn: PGS.TS. PHAN TỶ UYÊN



I. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng vật liệu xây dựng

1. Đặc điểm sản xuất, tiêu dùng vật liệu trong ngành xây dựng

- Sản xuất trong ngành xây dựng có đặc điểm là sản phẩm thì cố định, nh- ng địa điểm sản xuất l- u động, phân tán; các thao tác phần lớn là ngoài trời.
- Sản phẩm của ngành xây dựng có thể tích và trọng l- ợng lớn, chu kỳ sản xuất dài, thời hạn sử dụng các công trình đã xây dựng cũng dài, nh- các ngôi nhà cao tầng, cầu cống đ- ờng sá... Khi xây dựng có thể mất trên 3 - 5 năm, nh- ng sử dụng chúng có thể trong thời gian rất dài (15 năm, 50 năm, hơn 100 năm).
- Xuất phát từ đặc điểm về sản phẩm xây dựng, nên trong thực tế có nhiều ph- ơng pháp thi công xây dựng khác nhau

I. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng vật liệu xây dựng

1. Đặc điểm sản xuất, tiêu dùng vật liệu trong ngành xây dựng (tiếp)

-Những đặc điểm khác so với các ngành công nghiệp khác

- + - Khối l- ượng vật liệu tiêu dùng cho một công trình lớn;
- + - Thời gian tiêu dùng vật liệu kéo dài, nên gây khó khăn lớn đến công tác quản lý vật t- và hạch toán sử dụng vật liệu;
- + - Tuy cùng thi công xây dựng một loại công trình theo tiêu chuẩn thiết kế, nh- ng về mặt tiêu dùng vật liệu có thể khác nhau do có sự khác nhau về địa hình, địa chất, khí hậu, ph- ơng pháp thi công
- + - Có thể khai thác tận dụng vật liệu địa ph- ơng để hoàn thành thi công xây dựng công trình nhanh hơn kế hoạch đã định, nh- ng vẫn đảm bảo chất l- ượng công trình theo yêu cầu thiết kế;
- + - Tiêu dùng những loại vật liệu chủ yếu, nếu là công trình nền móng, công trình kết cấu, th- ờng tiêu dùng với khối l- ượng lớn, còn với công trình đất đá, công trình lắp, chữa tiêu dùng ít hơn
- + - Vật liệu tiêu dùng th- ờng gồm 12 nhóm

1. Phương pháp định mức tiêu dùng vật liệu xây dựng

2. Thành phần mức và các nhân tố ảnh hưởng đến mức tiêu dùng vật liệu xây dựng

Thành phần mức tiêu dùng vật liệu trong xây dựng gồm phần hao phí vật liệu có ích, và phần hao phí khác về vật liệu do điều kiện sản xuất đòi hỏi. Thành phần mức có thể biểu diễn như sau:

$$M = P + H_k$$

Trong đó:

P: Lượng vật liệu hao phí có ích

H_k: Tổng các hao phí khác về vật liệu. Thường H_k được tính bằng % so với P.

1. Phương pháp định mức tiêu dùng vật liệu xây dựng

2. Thành phần mức và các nhân tố ảnh hưởng đến mức tiêu dùng vật liệu xây dựng (tiếp)

Các tài liệu sử dụng để tính mức:

- Đối tượng và công việc xây lắp cụ thể trong kỳ kế hoạch.
- Các tài liệu thiết kế công trình, bản vẽ thi công công trình.
- Các tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn Nhà nước về chất lượng công trình, quy cách và chất lượng vật liệu.
- Bản thuyết minh về điều kiện thi công, phương pháp thi công công trình, quy trình và quy tắc xây dựng.
- Bảng giá xây lắp, và bảng dự toán chi phí xây lắp.
- Các bảng tính sẵn có liên quan.
- Tài liệu nói về kinh nghiệm tổ chức thi công và tiết kiệm vật liệu trong quá trình thi công ở các công trình xây dựng

1. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng vật liệu xây dựng

3. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng một số loại vật liệu xây dựng

đọc gt

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

I. Phương pháp định mức tiêu dùng vật liệu xây dựng

4. Biện pháp chủ yếu để tiết kiệm vật liệu trong xây dựng

- Triệt để thực hiện các mức tiêu dùng vật liệu đã quy định, đồng thời phấn đấu hạ thấp mức.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm hoặc công trình xây dựng theo tiêu chuẩn quy định.
- Sắp xếp vật liệu và bảo quản đúng kỹ thuật theo chế độ quy định.
- Sử dụng có hiệu quả vật liệu, tăng vòng quay, sử dụng lại vật liệu nhiều lần.
- áp dụng chế độ hạch toán vật liệu xuống tận các tổ chức cơ sở.

II. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng gỗ

1. Đặc điểm định mức tiêu dùng gỗ

- Gỗ là một loại nguyên liệu đ- ợc khai thác từ thiên nhiên, đ- ợc sử dụng rộng rãi trong sản xuất công nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng.
- Sau khi đ- ợc khai thác, tùy thuộc vào mục đích tiêu dùng mà gỗ có thể đ- ợc sử dụng ngay hoặc phải trải qua một số công đoạn gia công chế biến mới đ- ợc đ- a vào tiêu dùng, chính vì vậy định mức tiêu dùng gỗ trong từng tr- ờng hợp cũng khác nhau.
- Gỗ bản chất là một sinh vật, có nhiều chủng loại khác nhau, mỗi chủng loại lại có thời gian và đặc tính sinh tr- ờng và phát triển khác nhau nên đơn vị th- ờng đ- ợc sử dụng trong tiêu dùng gỗ không phải là đơn vị trọng l- ượng mà là đơn vị thể tích: cm^3 , m^3
- Gỗ là loại nguyên liệu dễ bị ảnh h- ưởng bởi các yếu tố thuộc môi tr- ờng bên ngoài
- Gỗ là loại nguyên liệu có chất l- ượng không đồng nhất và việc đánh giá chất l- ượng gỗ không đơn giản, vì mỗi cây, mỗi loại gỗ có thể có các khuyết tật khác nhau
- L- ượng gỗ tiêu dùng trong sản xuất sản phẩm chịu ảnh h- ưởng lớn bởi ph- ơng pháp gia công chế biến gỗ
- Với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, ngày nay có nhiều loại gỗ công nghiệp đ- ợc chế biến từ bột gỗ nh- gỗ dán, gỗ ép

II. Phương pháp định mức tiêu dùng gỗ

2. Thành phần mức và các nhân tố ảnh hưởng đến mức tiêu dùng gỗ

Thành phần mức tiêu dùng gỗ cũng được biểu diễn như sau:

$$M = P + H_c + \sum H_k$$

cuu duong than cong. com

Trong đó:

P - Lượng gỗ hao phí có ích, được chuyển hoàn toàn vào sản phẩm và hình thành nên giá trị sử dụng của sản phẩm. P có thể được tính theo thiết kế của sản phẩm hoặc tính trực tiếp bằng cách đo sản phẩm.

H_c - Lượng gỗ hao phí do quy trình công nghệ sản xuất ra sản phẩm, hao phí này không tham gia vào thực thể sản phẩm như là đòi hỏi của kỹ thuật sản xuất. H_c có thể được tính giống như P.

$\sum H_k$ - Tổng lượng gỗ hao phí khác

II. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng gỗ

2. Thành phần mức và các nhân tố ảnh h- ưởng đến mức tiêu dùng gỗ (tiếp)

Các tài liệu cần thiết để tính mức tiêu dùng gỗ trong sản xuất sản phẩm bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

- Quy cách, phẩm chất của gỗ nguyên liệu;
- Ph- ơng pháp gia công, kỹ thuật chế biến gỗ;
- Bản thiết kế chi tiết của sản phẩm; quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm;
- Các tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn nhà n- ớc về chất l- ượng sản phẩm, quy cách và chất l- ượng gỗ nguyên liệu;
- Các bảng tính sẵn có liên quan;
- Tài liệu về kinh nghiệm sử dụng và tiết kiệm gỗ trong sản xuất sản phẩm

II. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng gỗ

3. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng gỗ trong một số ngành, lĩnh vực sản xuất

đọc

II. Phương pháp định mức tiêu dùng gỗ

4. Các biện pháp chủ yếu để tiết kiệm gỗ trong sản xuất công nghiệp

- Tiến hành ngâm tẩm gỗ để chống mối mọt, co ngót, nứt vỡ và các tác động có hại khác của môi trường bên ngoài.
- Sử dụng lại các loại gỗ đã qua sử dụng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng
- Thay thế gỗ bằng các vật liệu khác.
- Tiêu chuẩn hoá chất lượng và kích thước gỗ xẻ và các sản phẩm chế tạo từ gỗ xẻ
- Chuyên môn hoá các đơn vị sản xuất gỗ.
- Tăng cường các mối quan hệ đặt hàng trực tiếp giữa các đơn vị sản xuất gỗ nhằm tiêu dùng sản phẩm của nhau, tránh phải cắt hay bào gọt những phần gỗ thừa...
- Tổ chức tốt việc sử dụng các phế liệu, phế phẩm, đầu thừa ... để chế tạo ra các sản phẩm mới phù hợp...

III. Phương pháp định mức tiêu dùng kim loại

1. Đặc điểm tiêu dùng kim loại

- Kim loại là một trong những vật liệu được sử dụng lâu đời nhất để chế tạo ra các công cụ, dụng cụ, chi tiết sản phẩm và sản phẩm
- đơn vị để đo lường tiêu dùng là đơn vị khối lượng
nh- kg, tấn
- Là loại vật dễ bị ăn mòn, kim loại được bảo quản và xử lý tốt trong quá trình tiêu dùng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất.

1. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng kim loại

2. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng kim loại trong một số lĩnh vực sản xuất, chế tạo

b. đọc

I. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng kim loại

3. Các biện pháp cơ bản để tiết kiệm kim loại

- *Tuân thủ triệt để quy trình công nghệ sản xuất ra sản phẩm. Sử dụng các quy trình công nghệ tiên tiến để giảm các hao phí kim loại không tạo ra sản phẩm.*
- *Chuẩn bị tốt vật liệu kim loại ban đầu khi tiến hành gia công, chế biến.*
- *Chuẩn bị tốt các vật liệu làm khuôn, máy móc, thiết bị, dụng cụ cắt gọt.*
- *Nâng cao trình độ tay nghề và ý thức trách nhiệm của người lao động.*
- *Bố trí phối hợp cắt nhiều loại phôi với các kích thước khác nhau nhằm tận dụng các chỗ trống trên thanh kim loại ban đầu*

IV. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng điện năng

1. Đặc điểm ph- ơng pháp định mức tiêu dùng điện năng

- *Là cơ sở khoa học cho việc phân loại mức tiêu dùng điện năng*
- *Dựa vào mục đích, công suất sử dụng, đặc điểm của các thiết bị để đ- a ra các mức tiêu dùng điện*
- *Linh hoạt trong xây dựng định mức tiêu dùng điện năng*

II. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng điện năng

2. Phân loại mức tiêu dùng điện năng

- a. Theo hình thức tham gia tiêu thụ điện năng của các ph- ơng tiện, mức tiêu dùng điện năng có thể chia ra:*
 - *Mức tiêu dùng điện năng ở các khâu sản xuất kinh doanh trực tiếp*
 - *Mức tiêu dùng điện năng ở các khâu gián tiếp*
- b. Theo bộ phận tiêu thụ điện năng trong toàn doanh nghiệp, có thể chia thành các loại mức sau*
 - *Mức tiêu thụ điện năng cho từng thiết bị máy móc, dây chuyền, hàng chạy mẫu để bán trong một thời gian nhất định.*
 - *Mức tiêu dùng điện năng cho phân x- ưởng hoặc một quầy hàng bán hàng*
 - *Mức tiêu dùng điện năng của cả doanh nghiệp*

II. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng điện năng

3. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng điện năng (đọc)

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

V. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng nhiên liệu lỏng cho ô tô

1. Những yếu tố tác động tới định mức tiêu dùng nhiên liệu lỏng cho ô tô

a. Những yếu tố chủ quan

- *Kinh nghiệm của ng- ời lái xe*
- *Trình độ chuyên môn của ng- ời lái xe*

b. Những yếu tố khách quan

- *Cơ sở hạ tầng*
- *Chất l- ượng ph- ơng tiện ô tô:*
- *Khối l- ượng hàng hoá, hành khách*
- *Điều kiện thời tiết, khí hậu*

III. Ph- ơng pháp định mức tiêu dùng nhiên liệu lòng cho ô tô

2. Đặc điểm của ph- ơng pháp định mức tiêu dùng nhiên liệu cho ô tô

- ***Dựa vào những căn cứ khoa học để xác định mức tiêu dùng nhiên liệu***
- ***Linh hoạt khi điều chỉnh mức tiêu dùng nhiên liệu trong quá trình vận chuyển hàng hoá và hành khách***
- ***Thể hiện tính hiệu quả kinh tế cao***

VI. Định mức dự trữ hàng hoá

1. Tính qui luật trong việc hình thành dự trữ hàng hóa:

Thứ nhất, phân công lao động xã hội đã dẫn tới chuyên môn hoá sản xuất

Thứ hai, do thời gian sản xuất và thời gian tiêu dùng sản phẩm thường không ăn khớp với nhau, sản phẩm được sản xuất chỗ này lại tiêu dùng chỗ khác và sản xuất lúc này lại được tiêu dùng lúc khác dẫn đến việc cung ứng hàng hóa phải theo từng kỳ

VI. Định mức dự trữ hàng hoá

2. Bản chất của dự trữ:

Bản chất của dự trữ là sự ng- ng động tạm thời đ- ọc nhận thức và nhận biết tr- ớc của sản phẩm xã hội

- Không phải mọi sự ng- ng động sản phẩm đều là dự trữ
- Dự trữ hình thành là tất yếu do tác động của các nguyên nhân khách quan song con ng- ời hoàn toàn có thể nhận thức (thông qua công tác định mức) để điều chỉnh và tối - u hoá đại l- ợng dự trữ trong nền kinh tế quốc dân.

VI. Định mức dự trữ hàng hoá

3. Vai trò của dự trữ hàng hoá trong nền kinh tế quốc dân

Dự trữ bảo đảm cho nền kinh tế, cho sản xuất kinh doanh, an ninh, quốc phòng diễn ra bình thường theo đúng kế hoạch dự kiến; Dự trữ bảo đảm cho các hoạt động kinh tế - xã hội diễn ra liên tục khi có những biến cố ngẫu nhiên xảy ra ngoài dự kiến.

Đối với dự trữ sản xuất:

Nó cho phép giảm các chi phí về bảo quản hàng hoá, giảm hao hụt mất mát, bảo đảm cho các doanh nghiệp có đủ những vật tư - hàng hoá cần thiết trong sản xuất để thực hiện các nhiệm vụ đề ra

Dự trữ sản xuất vừa đủ để cho quá trình sản xuất của doanh nghiệp được liên tục, vừa hợp lý để nâng cao hiệu quả khâu dự trữ, giảm vốn ngừng đọng do dự trữ và tăng hiệu quả kinh doanh chung của doanh nghiệp

Dự trữ sản xuất còn nhằm đề phòng các bất trắc xảy ra trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Vòng tuần hoàn của quá trình sản xuất ở doanh nghiệp được bảo đảm khi lượng dự trữ được xác định đúng

VI. Định mức dự trữ hàng hoá

4. Sự cần thiết của dự trữ sx

- a) Xác định các loại nhu cầu hàng hoá, lượng đặt hàng và tính toán khối lượng hàng hoá nhập về trong các kế hoạch kinh doanh. Muốn vậy, trong quá trình xây dựng kế hoạch kinh doanh phải tính toán hàng hoá dự trữ cuối kỳ và đầu kỳ cho doanh nghiệp.
- b) Điều chỉnh lượng hàng hoá nhập trong quá trình hoạt động kinh doanh và kiểm tra thực tế dự trữ hàng hoá ở các kho hàng.
- c) Xác định mức vốn lưu động đầu tư vào dự trữ sản xuất. Để làm việc này người ta thường quy định mức dự trữ sản xuất quân bình.
- d) Tính toán nhu cầu về diện tích kho hàng cần thiết cho các doanh nghiệp để bảo quản số lượng và chất lượng hàng hoá dự trữ.

VI. ĐM dự trữ hàng hoá

Dự trữ l- u thông và dự trữ quốc gia

Dự trữ l- u thông bảo đảm cho quá trình kinh doanh th- ơng mại tiến hành đ- ộc liên tục và có hiệu quả; đồng thời dự trữ l- u thông còn góp phần vào việc ổn định thị tr- ờng hàng hoá.

Cùng với dự trữ quốc gia, dự trữ l- u thông đ- ộc coi là công cụ quan trọng trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Dự trữ quốc gia là dạng đặc biệt của dự trữ hàng hoá

Dự trữ này do Nhà n- ớc quy định, nhằm mục đích bảo đảm các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân khi có thiên tai, chiến tranh và có sự biến động của thị tr- ờng

Mức độ dự trữ này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể trong quá trình phát triển nền kinh tế quốc dân; dự trữ quốc gia th- ờng đ- ộc bảo quản và cất giữ ở một hệ thống kho hàng của Chính phủ từ trung - ơng đến địa ph- ơng

VI. định mức dự trữ HH

5. Các bộ phận của dự trữ sản xuất:

- * *Dự trữ th- ờng xuyên* dùng để bảo đảm vật t- cho sản xuất của doanh nghiệp tiến hành đ- ợc liên tục giữa hai kỳ cung ứng nối tiếp nhau của doanh nghiệp th- ơng mại
- * *Dự trữ bảo hiểm* cần thiết trong những tr- ờng hợp sau đây:
 - Mức tiêu dùng bình quân ngày đêm thực tế cao hơn so với kế hoạch
 - L- ợng vật t- nhập thực tế ít hơn so với mức dự kiến tr- ớc, trong lúc chu kỳ cung ứng và tiêu dùng bình quân ngày đêm vẫn nh- tr- ớc.
 - Chu kỳ cung ứng thực tế dài hơn, trong lúc l- ợng hàng cung ứng và mức tiêu dùng bình quân trong ngày đêm vẫn nh- tr- ớc
- * *Dự trữ chuẩn bị*

VI. định mức dự trữ sản xuất

6. Các qui tắc khi tiến hành định mức:

- *Quy tắc thứ nhất* là xác định đại lượng tối thiểu cần thiết
- *Quy tắc thứ hai* của định mức dự trữ sản xuất là xác định đại lượng dự trữ, trên cơ sở tính toán tất cả những nhân tố ảnh hưởng trong kỳ kế hoạch
- *Quy tắc thứ ba* của định mức dự trữ sản xuất là tiến hành định mức từ cụ thể đến tổng hợp.
- *Quy tắc thứ tư* của định mức dự trữ là quy định đại lượng dự trữ sản xuất tối đa và đại lượng dự trữ sản xuất tối thiểu đối với mỗi tên gọi cụ thể

VI. định mức dự trữ sản xuất

7. Ph- ơng pháp tính:

a. Ph- ơng pháp định mức dự trữ th- ờng xuyên.

Dự trữ th- ờng xuyên tối đa, tuyệt đối tính theo công thức:

$$D_{th/x \max} = P \times t$$

Trong đó:

$D_{th/x \max}$ - Đại l- ượng dự trữ th- ờng xuyên tối đa tính theo đơn vị tính hiện vật;

P - Là mức tiêu dùng bình quân ngày đêm và đ- ọc tính:

t - Chu kỳ (khoảng cách) cung ứng theo kế hoạch, tính theo ngày

VI. định mức dự trữ sản xuất

7. Phương pháp tính:

Phương pháp định mức dự trữ thường xuyên.

Chu kỳ cung ứng theo kế hoạch

Phương pháp 1: Nếu t phụ thuộc vào mức xuất hàng tối thiểu (M_x) của doanh nghiệp thương mại, mức chuyển thẳng hay mức đặt hàng của doanh nghiệp sản xuất (hoặc mức xuất hàng của doanh nghiệp thương mại), thì:

$$t = \frac{M_x}{P}$$

VI. định mức dự trữ sản xuất

7. Ph- ơng pháp tính:

Ph- ơng pháp định mức dự trữ th- ờng xuyên.

Ph- ơng pháp 2: Nếu chu kỳ cung ứng phụ thuộc vào trọng tải của ph- ơng tiện vận tải, thì t tính bằng:

$$t = \frac{\text{Trọng tải i của phương tiện vận tải i}}{P}$$

VI. định mức dự trữ sản xuất

Ph- ơng pháp định mức dự trữ th- ờng xuyên (tiếp)

Ph- ơng pháp 3: Nếu chu kỳ cung ứng phụ thuộc vào những điều kiện qui định trong hợp đồng giữa doanh nghiệp th- ơng mại và doanh nghiệp sản xuất, thì căn cứ vào đó mà xác định t.

Ph- ơng pháp 4: Nếu trong số những tr- ờng hợp kể trên doanh nghiệp không sử dụng đ- ợc tr- ờng hợp nào cả, thì để xác định t, cần phải dùng các số liệu thực tế về các lần cung ứng của kỳ báo cáo

công thức

$$t = \frac{\sum (T_n \cdot V_n)}{\sum V_n}$$

Trong đó:

T_n - Thời gian cách quãng giữa hai kỳ cung ứng liên nhau

V_n - Số l- ợng vật t- nhận đ- ợc trong một kỳ cung ứng.

II. Ph- ơng pháp định mức dự trữ sản xuất

7. Ph- ơng pháp tính:

Ph- ơng pháp định mức dự trữ bảo hiểm

Tác dụng của dự trữ bảo hiểm là bảo đảm có đủ vật t- cho sản xuất trong mọi tình huống và chính đó là khó khăn cho việc xác định đúng đắn đại l- ợng dự trữ bảo hiểm.

Nguyên tắc chung để định ra đại l- ợng dự trữ bảo hiểm hợp lý là nghiên cứu kỹ các lần cung ứng theo chu kỳ và theo số l- ợng cung ứng từng lần, l- ợng tiêu dùng bình quân một ngày đêm và các nguyên nhân khác dẫn đến vi phạm việc bảo đảm vật t- cho sản xuất bình th- ờng.

VI. định mức dự trữ sản xuất

7. Ph- ơng pháp tính:

Ph- ơng pháp định mức dự trữ bảo hiểm

Dự trữ bảo hiểm t- ơng đối có thể tính theo một trong hai ph- ơng pháp sau:

Ph- ơng pháp 1: Theo ph- ơng pháp này, đại l- ượng dự trữ t- ơng đối đ- ợc định ra, căn cứ vào thời gian cần thiết để khôi phục lại dự trữ th- ờng xuyên sử dụng hết tr- ớc khi nhập lô hàng mới về doanh nghiệp. Trong tr- ờng hợp đó, dự trữ t- ơng đối đ- ợc tính theo công thức:

$$tbh = t1 + t2 + t3$$

Trong đó:

t1 - Thời gian cần thiết cho doanh nghiệp th- ơng mại chuẩn bị lô hàng xuất gấp theo yêu cầu của khách hàng. Thời gian này gồm thời gian doanh nghiệp sản xuất báo cho doanh nghiệp th- ơng mại về việc xuất gấp lô hàng tiếp theo và thời gian cần cho doanh nghiệp th- ơng mại chuẩn bị xuất hàng.

t2 - Thời gian hàng trên đ- ờng đi đ- ợc xác định bằng cách lấy khoảng cách từ doanh nghiệp th- ơng mại đến doanh nghiệp sản xuất chia cho tốc độ của ph- ơng tiện vận tải.

t3 - Thời gian cần thiết để doanh nghiệp sản xuất hàng và chuẩn bị đ- a vào sản xuất.

Ph- ơng pháp này áp dụng có kết quả chỉ khi nào giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp th- ơng mại có quan hệ th- ờng và tốt với nhau.

VI. định mức dự trữ sản xuất

7. Ph- ơng pháp tính:

Ph- ơng pháp định mức dự trữ bảo hiểm

Ph- ơng pháp 2: Dựa vào các số liệu cung ứng thực tế cho kỳ báo cáo, rút ra những lần có chu kỳ cung ứng thực tế lớn hơn chu kỳ cung ứng bình quân, cộng các kết quả lại rồi chia cho số lần chênh lệch, theo công thức:

$$\text{Trong đó: } t_{bh} = \frac{\sum \text{chênh lệch cao hơn chu kỳ cung ứng bình quân}}{m}$$

m - Số lần chênh lệch cao hơn

VI. định mức dự trữ sản xuất

7. Phương pháp tính:

Phương pháp định mức dự trữ bảo hiểm

Hoặc theo công thức:

$$t_{bh} = \frac{\sum (t'_n - t) V'_n}{\sum V'_n}$$

Trong đó:

t'_n - Thời gian cách quãng giữa hai kỳ cung ứng có khoảng cách cao hơn khoảng cách cung ứng bình quân.

V'_n - Số lượng vật tư nhận được trong một kỳ cung ứng có khoảng cách cao hơn khoảng cách cung ứng bình quân.

t - Thời gian dự trữ thông thường xuyên

II. Ph- ơng pháp định mức dự trữ sản xuất

7. Ph- ơng pháp tính:

Ph- ơng pháp định mức dự trữ chuẩn bị

Những công việc chuẩn bị đặc biệt đòi hỏi phải có thời gian lâu hơn, phải tính dự trữ chuẩn bị (gọi là dự trữ chuẩn bị đặc biệt).

Đại l- ượng t- ơng đối của dự trữ chuẩn bị đặc biệt, căn cứ vào thời gian cần thiết để chuẩn bị vật t- tr- ớc khi đ- a vào tiêu dùng sản xuất mà xác định.

Đại l- ượng dự trữ sản xuất tuyệt đối bằng tổng dự trữ th- ờng xuyên, dự trữ bảo hiểm, dự trữ chuẩn bị đặc biệt:

$$D_{sx} = D_{th'x} + D_{b'h} + D_{ch'b}$$

Hoặc:
$$D_{sx} = P(t_{th'x} + t_{b'h} + t_{ch'b})$$

VI. Ph- ơng pháp định mức dự trữ hàng hóa

8. Dự trữ hàng hóa

8.1 Đặc điểm:

Dự trữ hàng hóa ở các doanh nghiệp th- ơng mại (kho, trạm, cửa hàng) là những hàng hóa nằm ở lĩnh vực l- u thông v- ợt quá khối l- ượng hàng quy định đối với hình thức cung ứng (bán hàng) qua kho

Mức dự trữ hàng hóa là sự quy định l- ượng hàng hóa tối thiểu phải có ở các doanh nghiệp th- ơng mại (DNTM) để bảo đảm cho quá trình kinh doanh (cung ứng hàng hóa cho khách hàng) đ- ợc tiến hành liên tục và đều đặn.

Dự trữ hàng hóa ở các DNTM cũng đ- ợc tính bằng các chỉ tiêu tuyệt đối: hiện vật, giá trị và chỉ tiêu t- ơng đối (bằng ngày l- u chuyển qua kho, ngày tiêu dùng).

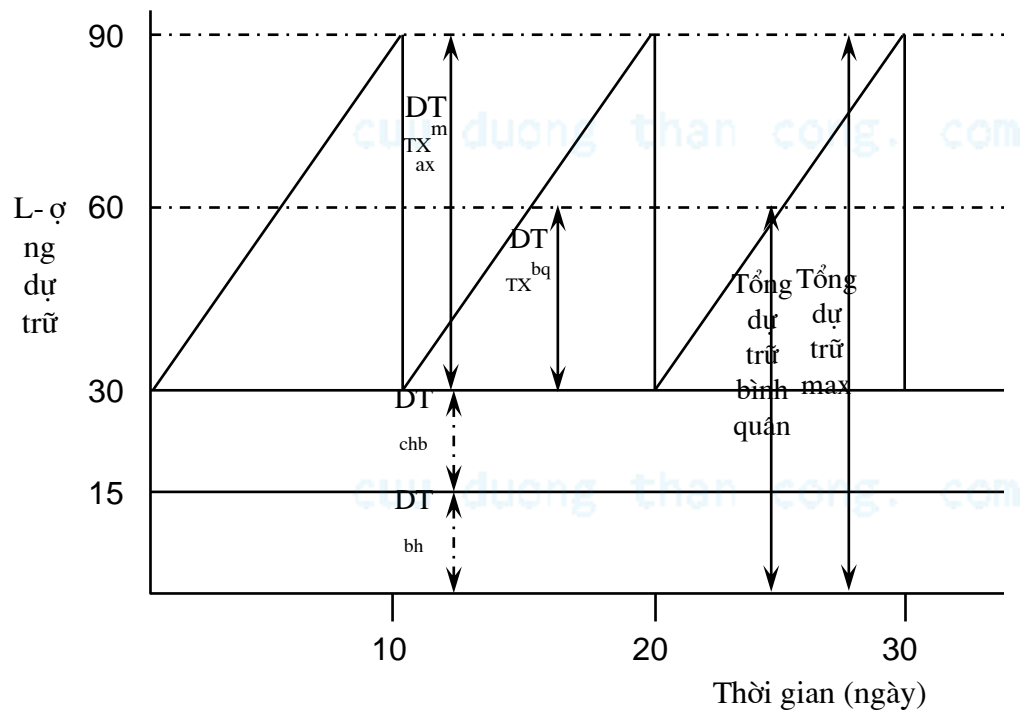
VI. Định mức dự trữ hàng hóa

8.2. nhân tố tác động

- Khối lượng, mặt hàng xuất bán qua kho, cửa hàng;
- Chu kỳ nhập hàng về kho trạm của các hộ cung ứng;
- Mức chuyển thẳng và đặt hàng;
- Tổ chức công việc của hệ thống kho trạm, cửa hàng về tiếp nhận, bảo quản, xuất hàng và chế độ làm việc của kho;
- Tính thời vụ trong nhập hàng về kho hoặc xuất hàng cho khách.

VI. Hình thức dự trữ hàng hóa

quá trình hình thành và vận động dự trữ hàng hóa ở các DNTM



VI. Định mức dự trữ hàng hóa

8.3. Thành phần:

Bộ phận dự trữ thường xuyên đ- ợc hình thành do tính chu kỳ trong nhập hàng và nhằm đảm bảo cung ứng hàng hóa cho khách hàng đ- ợc liên tục giữa các kỳ nhập hàng về kho doanh nghiệp

Dự trữ bảo hiểm cần thiết ở các kho trạm đảm bảo cung ứng liên tục hàng hóa cho các hộ tiêu dùng trong tr- ờng hợp có sự chênh lệch chu kỳ và l- ợng hàng nhập thực tế so với kế hoạch, để thoả mãn các nhu cầu đột xuất

Bộ phận dự trữ chuẩn bị hình thành ở DNTM đúng bằng thời gian cần thiết để xếp dỡ hàng nhập kho, tiếp nhận về số l- ợng và chất l- ợng, lập các chứng từ, phân loại và xếp hàng lên ph- ơng tiện vận chuyển

L- ợng dự trữ tối đa ở kho trạm đ- ợc xác định bằng tổng dự trữ thường xuyên, dự trữ bảo hiểm và dự trữ chuẩn bị

VI. Định mức dự trữ hàng hóa

8.4. công tác định mức dự trữ hàng hóa ở các doanh nghiệp thương mại

- Xác định khối lượng hợp lý hàng cung ứng qua kho cho khách hàng;
- Phân hàng hóa theo loại
- Tính mức dự trữ ngày và hiện vật
- Tính mức dự trữ ngày và hiện vật theo nhóm danh mục.
- Xác định mức dự trữ tổng hợp.
- Tính mức kế hoạch về dự trữ thời vụ.

VI. Định mức dự trữ hàng hóa

8.5. Phương pháp luận tính mức các bộ phận dự trữ hàng hóa

Về dự trữ thường xuyên: Để định mức, người ta phải xác định mức giao hàng bình quân và khoảng cách giữa các kỳ giao hàng đối với từng chủng loại hàng hóa. Mức giao hàng bình quân được xác định bằng cách lấy tổng lượng hàng nhập chia cho số lần nhập thực tế. Còn khoảng cách giao hàng xác định bằng cách lấy mức giao hàng bình quân chia cho mức xuất hàng bình quân ngày đêm trong năm kế hoạch.

Về dự trữ bảo hiểm: Mức dự trữ bảo hiểm thường được tính bằng một nửa khoảng cách giữa các kỳ giao hàng nhưng không quá 15 ngày.

Về dự trữ chuẩn bị: Mức dự trữ chuẩn bị được xác định dựa vào thời gian tối thiểu cần thiết để thực hiện các công việc chuẩn bị hàng hóa.

Mức dự trữ hiện vật được xác định bằng cách nhân mức dự trữ tính theo ngày với mức giao hàng bình quân ngày đêm

*****. Xu h- ớng thay đổi mức dự trữ và khả năng tối - u hoá dự trữ hàng hóa**

Nguyên nhân của việc tăng dự trữ tuyệt đối là do kết quả của việc gia tăng khối l- ợng vật t- hàng hoá tiêu dùng trong quá trình sản xuất.

Còn kết quả của tiến bộ khoa học công nghệ trong vận chuyển hàng hoá, tăng nhanh tốc độ chu chuyển t- liệu sản xuất, làm cho dự trữ t- ớng đối giảm xuống

Việc giải quyết đúng đắn công tác dự trữ cho phép huy động đ- ợc số l- ợng lớn vật t- hàng hoá vào chu chuyển. Những vấn đề có tính cấp bách là phân bố hợp lý lực l- ợng dự trữ; định mức dự trữ ở các doanh nghiệp; xác định l- ợng thông tin kinh tế cần thiết để quản lý các loại dự trữ với việc ứng dụng công nghệ thông tin, lựa chọn hình thức hạch toán và kiểm tra dự trữ...

vấn đề quản lý dự trữ cần phải h- ớng vào việc huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu t- đó

Tối - u hoá dự trữ trong nền kinh tế thị tr- ờng đ- ợc bắt đầu ở từng doanh nghiệp với việc xác định mức dự trữ cần thiết, theo từng mặt hàng và từng sản phẩm cụ thể

Cơ sở cho công tác này là dự báo thị tr- ờng hàng hoá, phân tích giá cả, cũng nh- dự báo tiêu thụ sản phẩm. Trên cơ sở các dự báo cho từng thị tr- ờng, ng- ời ta tính khối l- ợng sản xuất và dự trữ hàng hoá ở các kho hàng và theo từng thị tr- ờng.